

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:09/2019/HS-ST
Ngày: 14-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tiếng Thơ

2/ Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với:

*** Bị cáo** LƯƠNG VĂN H , tại: C; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lái xe máy; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn Th và bà Sầm Thị T ; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

***Người bị hại:** Anh Nông Văn B – Sinh năm 1973

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt*”.

***Những người làm chứng:**

1/ Chị Hoàng Thị H – Sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

2/ Bà Triệu Thị N – Sinh năm 1965

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 24/12/2018 Lương Văn H điều khiển xe máy chở 02 người bạn đi về nhà ở Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ khi tới đoạn đường Phạm Ngọc Thạch ngay trước quán cafe 12A thuộc Tổ dân phố B, thị trấn Đ thì bị Công an thị trấn Đ kiểm tra, tạm giữ xe do chở quá số người quy định và yêu cầu các đương sự về trụ sở Công an thị trấn Đ để làm việc. Lúc này H không đi mà ngồi lại ngay vỉa hè. Cùng thời điểm này, anh Nông Văn B điều khiển xe máy hiệu Supper Dream biển số 49M1-129.61 đi đến đường Phạm Ngọc Thạch gần đối diện với quán cà phê 12A thì dừng xe lại bên vỉa hè, không rút chìa khóa xe và đi bộ cách xe khoảng 20 m để gọi điện thoại. Khi đó H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh B để làm phương tiện đi lại. H đi bộ qua bên kia đường, đến vị trí để chiếc xe máy, lợi dụng lúc anh B đang mãi nói chuyện điện thoại. H ngồi lên xe, nổ máy và điều khiển xe về nhà, nhưng do sợ bị phát hiện nên H tiếp tục điều khiển chiếc xe tới đầu cầu sắt, đoạn giáp ranh giữa Tổ dân phố 6B, thị trấn Đ với xã An Nhơn, huyện Đ. H bỏ lại xe ở đó, rồi đi bộ về nhà. Sau đó H bỏ đi Bình Phước làm thuê. Đến ngày 08/02/2019, H đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 18/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 49M1-129.61 có giá trị là 13.293.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm chín mươi ba ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSĐT ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lương Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H từ 09 (*chín*) tháng đến 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (*mười tám*) tháng đến 24 (*hai mươi bốn*) tháng và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nông Văn B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên không đề cập.

* Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn đen, yếm màu trắng, biển số 49M1-129.61, xe đã qua sử dụng cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nông Văn B, nên không đề cập.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy

tổ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Vào khoảng 22 giờ, ngày 24/12/2018, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn đen, yếm màu trắng, biển số 49M1-129.61 của anh Nông Văn B có trị giá là 13.293.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm chín mươi ba ngàn đồng*). Qua lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo H đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo H đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Không những vậy, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người hữu ích mà vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nông Văn B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn đen, yếm màu trắng, biển số 49M1-129.61. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Nông Văn B là phù hợp.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn H 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giám sát, giáo dục trong thời

gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TOÀ**

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ

Nguyễn Thị Tiếng Thơ

Dương Văn Hùng

Nguyễn Thị Liên

